

Số: 01/2021/QĐST-KDTM

L, ngày 25 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 143, Điều 144, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại T lý số: 02/2020/TLST-KDTM ngày 26/11/2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02, đường L, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ Giám đốc chi nhánh Ngân hàng N huyện L;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

**Bị đơn:**

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Đ;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Văn T, chức vụ: Giám đốc.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Châu Văn Đ, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

2. Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ, người đại diện theo pháp luật là ông Châu Văn T, chức vụ giám đốc có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N chi nhánh huyện L số tiền 538.826.527 đồng (*Năm trăm ba mươi tám triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng*). Trong đó;

+ Tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng,

+ Tiền nợ lãi trong hạn 242.023.055 đồng,

+ Tiền nợ lãi quá hạn 36.803.472 đồng.

***Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ:*** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 8107LAV201403193/HĐTD ngày 06/11/2014 và hợp đồng tín dụng số 8107LVA201600183 ngày 22/01/2016.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Công ty TNHH Đ do ông Châu Văn T là người đại diện theo pháp luật phải chịu án phí là 12.776.530 đồng.

Ngân hàng N chi nhánh huyện L, ông Châu Văn Đ, ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh huyện L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.688.000 đồng (*mười hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000087 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

## 30 Luật thi hành án dân sự

### ***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh TQ;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN**

**Lý Đức Quỳnh**